

Bản án số: 52/2023/DS-PT

Ngày: 17/8/2023

V/v: Tranh chấp lối đi chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế, bà Nguyễn Thị Thuỷ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:* Bà Đỗ Thị Thu Thuỷ, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2023/DS-PT ngày 10/7/2023 về việc kiện Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐ-PT ngày 28/7/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chu Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; có mặt

Bị đơn: Bà Đồng Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Văn V, sinh năm 1977, có mặt.

2. Ông Chu Thế A, sinh năm 1969, có mặt.

3. Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1977, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1949, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: TDP T thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

5. Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Văn L; Chức vụ: Phó chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Văn X, vắng mặt.

2. Ông Lê Văn Đ, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Hoàng Văn C, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ D khu A, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Chu Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn V1 trình bày:

Thửa đất số 21 tờ bản đồ địa chính số 7 xã L, diện tích 900m² loại đất OTN+ CLN, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/02/2018 mang tên ông Dương Văn V và bà Chu Thị H. Nguồn gốc thửa đất do bà H nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn C tại xóm Đ, xã L. Trước đây thửa đất này của bố mẹ bà H là ông Chu Đình T2, bà Hoàng Thị M sử dụng từ năm 1973 đến năm 1993 bán thửa đất trên cho anh Hoàng Văn C, năm 2018 anh C đã nhượng lại cho vợ chồng bà H.

Con đường dẫn vào thửa đất số 21 hiện nay đang tranh chấp với bà Đồng Thị T do bố mẹ bà trước đây đã sử dụng, thể hiện trên bản đồ địa chính nằm giữa thửa đất số 36 với thửa 37, 43 tờ bản đồ số địa chính số 7 xã L, không có tranh chấp. Khi bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 21 anh C đã kê móng đá hai bên bờ đường. Năm 2017 anh em trong gia đình có bàn bạc cuộc san đường cho rộng để vận chuyển nguyên vật liệu vào xây mộ, đến khi thực hiện thì gia đình bà T đã chặt cây chuối rải ra đường gây cản trở đi lại, nên xảy ra tranh chấp. Do không có lối đi vào khu đất của mình, bà H đã mua của ông Hoàng Văn T1 khu đất liền kề 3 mét chiều rộng, dài 30 mét để làm lối đi vào thửa 21.

Bà Chu Thị H đề nghị Tòa án buộc bà gia đình bà T1 trả lại lối đi chung theo bản đồ địa chính diện tích 51,2 m² và không được thực hiện hành vi cản trở việc sử dụng lối đi chung.

Bị đơn bà Đồng Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chu Thế A trình bày:

Thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3, địa chỉ M, xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên diện tích theo giấy chứng nhận được cấp là 504m², bản đồ địa chính chính lý xác định là thửa 36, tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, do bà nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn X và bà Hoàng Thị M1 xóm Đ, xã L. Vị trí đất tranh chấp hiện nay trước đây là bờ ruộng của nhà bà giáp với ruộng nhà ông Hoàng Văn T1 rộng khoảng hơn 1m. Năm 2013 khi bà đào ao thả cá đã đắp đất hết phần bờ ruộng cho cao lên và to ra như hiện nay. Hiện trạng cây chuối là do bà trồng từ năm 2013 trên phần đất ao đắp lên. Ngày 19/02/2017 ông Dương Văn V chồng bà H cho máy cuốc vào cuộc đồi phía trong để trồng cây, anh V có hỏi gia đình bà cho máy đi qua bờ ao để vào phía bên trong cuộc đồi, ông Chu Thế A đã chặt hết hàng chuối do gia đình trồng để

máy đi vào không gây cản trở khó khăn. Bà H, ông V yêu cầu gia đình bà phải trả con đường theo bản đồ địa chính bà không nhất trí, vì: đây là bờ ruộng mà vợ chồng bà đã mua của ông Hoàng Văn X và bà Hoàng Thị M1 ở xóm Đ từ năm 2000, ngày 20/7/2007 gia đình bà đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Chu Thế A và Đồng Thị T. Khi nhận chuyển nhượng có ông Hoàng Văn T1 là người ký giáp ranh có xác nhận của T3 xóm ông Lê Văn Đ. Bờ ruộng này sử dụng làm đường đi không liên quan gì đến thửa đất nhà ông V, bà H, nên ai đi thì đi, bà không cấm.

Bà H đề nghị bà trả lại lối đi chung có chiều rộng 2,5m, chiều dài 23,5m như bản trích đo hiện trạng, bà không đồng ý, đề nghị chia đôi bờ ruộng là 2,5m chiều rộng và 23,5 chiều dài mỗi người sử dụng một nửa theo trích đo địa chính để bà làm bờ giữ nước và bảo vệ tài sản.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị H đối với bà Đồng Thị T về việc trả lại lối đi chung. Buộc bà Đồng Thị T trả lại diện tích 51,2m² là đất giao thông lối đi chung có vị trí tại thửa số 16, tờ bản đồ địa chính số 07 xã L, huyện V tỉnh Thái Nguyên có tổng diện tích 5205,1m² do Ủy ban nhân dân xã L quản lý. Có sơ đồ chi tiết kèm theo.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/6/2023 bị đơn bà Đồng Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chu Thế A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Đồng Thị T, ông Chu Thế A giữ nguyên nội dung kháng cáo cho rằng phần đất tranh chấp là bờ ruộng, vợ chồng bà đã mua của ông Hoàng Văn X và bà Hoàng Thị M1 ở xóm Đ từ năm 2000, được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bờ ruộng này sử dụng làm đường đi không liên quan gì đến thửa đất nhà ông V, bà H, nên mọi người có quyền đi qua. Phần đất tranh chấp 51, 2 m² theo kết quả đo đạc xác định vào đất đường đi theo bản đồ địa chính, bà T, ông Thế A nhất trí sử dụng làm lối đi chung, nhưng không rút đơn kháng cáo.

Nguyên đơn xác định không có kháng cáo, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Toà án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy:

[2] Bà Chu Thị H khởi kiện yêu cầu bà Đồng Thị T trả lại lối đi chung dẫn vào thửa đất số 21 tờ bản đồ địa chính số 7 xã L, diện tích 900m² loại đất OTN+CLN, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/02/2018 mang tên ông Dương Văn V và bà Chu Thị H.

Bị đơn là bà T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chu Thế A cho rằng: Trước đây lối đi vào thửa đất số 21 tờ bản đồ địa chính số 7 xã L của ông Chu Đình T2 và bà Hoàng Thị M nay là của bà Chu Thị H là bờ ruộng nhỏ của gia đình ông, bà. Lối đi hiện nay rộng là do năm 2000 ông, bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 02, tờ bản đồ số 3 (*nay là thửa đất số 36 tờ bản đồ số 7 xã L*) địa chỉ khu M, xóm Đ của ông Hoàng Văn X liền với lối đi hiện nay đang tranh chấp với bà H. Năm 2013 do không có nước để trồng lúa gia đình ông, bà đã đào ao hất lên bờ ruộng của gia đình, phần đất tranh chấp hiện nay với bà H là bờ ruộng của ông, bà chứ không phải lối đi chung.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Lời khai của những người làm chứng về nguồn gốc đất tranh chấp lối đi chung giữa bà H và bà T trước đây có lối đi vào nhà ông Chu Đình T2, bà Hoàng Thị M, là thửa đất số 21, nay bà H sử dụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài lối đi vào thửa đất số 21 của bà H, hiện nay đang tranh chấp, không còn lối đi nào khác.

[4] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ bằng máy định vị toạ độ hiện trạng sử dụng đất đường đi đối chiếu với bản đồ địa chính, xác định phần đất tranh chấp diện tích 51,2m² là đất giao thông, thuộc thửa đất 16, tờ bản đồ số 7, diện tích 5205,1m², thuộc xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình bà T, ông Thế A sử dụng lấn vào đường đi 02 góc ao là 3,2 m² và 9,5 m², đắp đất làm bờ ao là 38,5m².

[5] Kết quả xác minh tại UBND xã L và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, xác định: Diện tích đất tranh chấp 51,2m² thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ địa chính số 7 xã L có tổng diện tích 5205,1m² được thiết lập năm 2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T duyệt ngày 22/12/2010. Thửa đất số 16 tờ bản đồ số 7 xã L là đất giao thông (DGT), đối tượng quản lý là UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

[6] Gia đình bà T, ông Thế A đã sử dụng làm ao và bờ ao vào phần đường đi chung ngoài ranh giới thửa đất số 36, diện tích 681,9m² theo bản đồ địa chính được thiết lập và phê duyệt năm 2010 là 51,2 m². Bà T, ông Thế A cho rằng phần đất tranh chấp hiện nay với bà H là bờ ruộng của ông, bà chứ không phải lối đi chung là không có căn cứ.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả lại 51,2m² đất giao thông có vị trí tại thửa số 16, tờ bản đồ địa chính số 07 xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác, nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, ông Thế A.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có cơ sở, nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T, ông Thế A không được chấp nhận, nên bà T, ông Thế A, mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc 300.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đồng Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chu Thế A; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 02/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí phúc thẩm: Bà Đồng Thị T, ông Chu Thế A, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003525 và 0003526 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Các quyết định khác của bản án không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu